

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết về
con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt.

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về *Tranh chấp ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/ 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P.

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (chị P có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Ngô Thế Đ.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/02/2021, quá trình giải quyết vụ án, Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ có tính gia trưởng, có đánh đập, chửi bới chị P. Chị P đã động viên anh Đ sửa đổi nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, chị P và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Chị P thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm yêu thương và không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị P và anh Đ có một con chung là cháu Ngô Thế Hữu S, sinh ngày 11/10/2011. Sau ly hôn, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Thu nhập của chị P khoảng 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, chị P đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn anh Ngô Thế Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ thừa nhận lúc nóng nảy không kiềm chế được bản thân nên có đánh chị P, vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã và chị P đã bỏ đi. Cũng có nguyên nhân khác là do chị P có mối quan hệ bất chính bên ngoài. Từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, anh Đ và chị P đã sống ly thân. Quá trình hòa giải anh Đ cho rằng vẫn còn tình cảm yêu thương và muốn chung sống với chị P nên anh Đ yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ xác định vì chị P kiên quyết xin ly hôn nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh Đ và chị Phạm Thị P có một con chung là cháu Ngô Thế Hữu S, sinh ngày 11/10/2011. Từ khi sống ly thân đến nay, con vẫn ở với anh Đ nên anh Đ yêu cầu được giao con cho anh nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ trình bày hiện nay tổng chi phí nuôi con trung bình khoảng 3.000.000 đồng/tháng, anh Đ yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng từ tháng 8/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị P, anh Đ không thỏa thuận được các

vấn đề tranh chấp trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ là trầm trọng, không thể hòa giải để đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Căn cứ điều kiện về chỗ ở, quá trình sinh sống thực tế của con từ trước đến nay, ý kiến của con chung, đề nghị chấp nhận giao con chung cho anh Đ được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ thu nhập, điều kiện về kinh tế của chị P, đề nghị buộc chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền bằng 01 tháng lương cơ bản, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh Đ không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị P và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/12/2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ

án Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và được cung cấp thông tin: Chị P đi làm xa nhà khoảng 03 năm, anh Đ vẫn sinh sống tại địa phương cùng con trai, về mâu thuẫn vợ chồng thì từ trước đến nay Ban thôn chưa nhận được thông báo hay hòa giải mâu thuẫn nên vợ chồng anh Đ, chị P có mâu thuẫn cụ thể ra sao, tình trạng, mức độ mâu thuẫn thì Ban thôn không nắm được. Tuy nhiên, chị P và anh Đ đều thừa nhận, thực tế vợ chồng không còn chung sống, đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, anh Đ cũng thừa nhận, quá trình chung sống giữa anh Đ, chị P có mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh Đ có đánh chị P. Ngoài ra, từ khi sống ly thân đến nay anh Đ, chị P đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau trao đổi, chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn là có thật và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế đã sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị P được ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh Đ có 01 con chung là cháu Ngô Thế Hữu S, sinh ngày 11/10/2011. Do chị P yêu cầu giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, thực tế từ khi ly thân cho đến nay cháu S sống với anh Đ, cháu S cũng có ý kiến muốn được ở với anh Đ. Do đó, để đảm bảo về chỗ ở, học tập ổn định của cháu S, việc giao cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng:

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị P không trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị P đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu nhập thực tế của chị P khoảng 7.500.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Anh Đ xác định chi phí nuôi dưỡng con khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, cần buộc chị P cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng, thu nhập thực tế của chị P và nhu cầu thiết yếu của con chung là có căn cứ.

Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 8/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi, việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị P được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0018575 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Ngô Thế Đ.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Ngô Thế Hữu S, sinh ngày 11/10/2011 cho anh Ngô Thế Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 8/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Ngô Thế Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người

nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị P, anh Ngô Thế Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0018575 ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chị Phạm Thị P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Bị đơn anh Ngô Thế Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, H. K;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân